TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày 26-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Nga;

Ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Thanh Th, sinh năm 1969; cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1983; địa chỉ số 477A/24, đường Quản Cơ Thành, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 07-01-2022)

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975;

Ông Nguyễn Hào Ph1, sinh năm 1972;

Cùng cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-01-2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bà Huỳnh Thị Thanh Th trình bày:

Do quen biết nhau, bà Th cho ông Ph1, bà V vay tiền nhiều lần nhưng không làm biên nhận vào năm 2020 âm lịch. Đến ngày 20-11-2020 âm lịch (tức ngày 02-01-2021), bà V, ông Ph1 thừa nhận còn nợ bà Th tổng số tiền 180.000.000 đồng. Bà Th nhiều lần đòi lại số tiền 180.000.000 đồng nhưng bà V, ông Ph1 hứa hẹn nhiều lần và chưa trả cho bà Th số tiền nói trên.

Đến ngày 05-01-2022, Ban nhân dân ấp L hòa giải vụ việc giữa bà Th với bà V, ông Ph1. Tại buổi hòa giải thì bà V có mặt thừa nhận còn nợ bà Th số tiền 180.000.000 đồng.

Bà Th yêu cầu bà V, ông Ph1 phải liên đới trả số tiền 180.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật đối với số tiền 180.000.000 đồng kể từ ngày 20-11-2020 âm lịch đến ngày xét xử.

Theo biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà V thống nhất còn nợ bà Th số tiền 180.000.000 đồng, trong đó còn nợ 120.000.000 tiền hụi và 60.000.000 đồng tiền vay dùng để xoay sở cuộc sống gia đình, có đóng lãi hàng tháng, chấp nhận trả lại số tiền 180.000.000 đồng cho bà Th và có ý kiến đề nghị bà Th bỏ việc tính lãi từ ngày 20-11-2020 âm lịch đến nay.

Tại phiên tòa:

Anh Ph đại diện cho bà Th xác định số tiền 180.000.000 đồng là tiền vay, giữ nguyên yêu cầu ông Ph1, bà V về việc liên đới trả lại tiền vốn 180.000.000 đồng, việc cho vay tiền có lãi suất 03%/tháng, bà V, ông Ph1 chưa đóng lãi lần nào, đồng thời bà Th rút lại yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền 180.000.000 đồng kể từ ngày 20-11-2020 âm lịch đến ngày xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Bà Huỳnh Thị Thanh Th ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Ph tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị V đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà V có đơn xin xét xử xử vắng mặt. Riêng ông Nguyễn Hào Ph1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên việc xét xử là đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà Th khởi kiện theo tờ biên nhận tiền ngày 20-11 âm lịch năm 2020 thể hiện nội dung ông Ph1 có nợ bà Th là

180.000.000 đồng và bà V thừa nhận còn nợ bà Th số tiền này nên việc bà Th khởi kiện phù hợp quy định Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Trong biên nhận thể hiện "con V Huy kí thế mẹ", qua thu thập chứng cứ thì Nguyễn Phú V Huy là con của ông Ph1, bà V không trực tiếp nhận tiền, giao dịch với bà Th. Đồng thời bà Th không yêu cầu đối với V Huy nên không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng.

Về tiền lãi thì bà Th rút lại yêu cầu trả tiền lãi nên cần đình chỉ theo Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với ông Ph1, bà V; buộc bà V, ông Ph1 liên đới trả cho bà Th số tiền 180.000.000 đồng; đình chỉ đối với yêu cầu của bà Th về trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà Th có đơn khởi kiện đối với ông Ph1, bà V về yêu cầu trả lại tiền vay. Ông Ph1, bà V có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Th vắng mặt tại phiên tòa, ủy quyền cho Anh Ph tham gia phiên tòa; bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Ph1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bà Th rút lại một phần khởi kiện đối với ông Ph1, bà V về yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền 180.000.000 đồng, kể từ ngày 20-11-2020 âm lịch đến thời điểm xét xử. Theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chấp nhận việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th và đình chỉ xét xử về yêu cầu trả lãi của số tiền 180.000.000 đồng, kể từ ngày 20-11-2020 âm lịch đến thời điểm xét xử.

[4] Về yêu cầu trả lại tiền: bà Th cho rằng *"năm 2020 âm lịch, đã nhiều lần cho bà V, ông Ph1 vay tiền. Đến ngày 20-11-2020 âm lịch (tức ngày 02-01-2021), bà V, ông Ph1 thừa nhận còn nợ bà Th tổng số tiền 180.000.000 đồng"*. Bà Th chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bằng tờ biên nhận tiền ngày 20-11-2020 âm lịch thể hiện *"...Nguyễn Hào Ph1 sinh năm 1972...chị V có thiếu Th 1 số tiền 180 triệu đồng..."* do bà Th tự ghi và có thể hiện chữ ký tên và ghi họ tên Nguyễn Hào Ph1 và chữ viết "*kí thế mẹ V Huy*". Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai của bà V có ý kiến thừa nhận còn nợ bà Th số tiền 180.000.000 đồng là có cả tiền hụi 120.000.000 đồng và tiền vay 60.000.000 đồng.

[5] Qua chứng cứ là tờ biên nhận tiền do bà Th giao nộp thì nội dung có xác định số tiền bà V, ông Ph1 còn nợ 180.000.000 đồng, không thể hiện rõ là tiền nợ của hợp đồng vay hay hụi. Dù vậy, bà V có ý kiến thừa nhận có nợ tiền 180.000.000 đồng và chấp nhận trả lại số tiền vốn 180.000.000 đồng cho bà Th phù hợp với ý chí của các bên khi xác lập tờ biên nhận tiền, biên bản hòa giải hợp đồng mượn tiền ngày 05-01-2022 của ban nhân dân ấp L. Bà V cho rằng việc vay số tiền 60.000.000 đồng có trả lãi cho bà Th mà không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi.

Mặt khác, kể từ ngày Toà án thụ lý, giải quyết vụ án, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Ph1 không có văn bản ý kiến phản đối đối với yêu cầu, chứng cứ là tờ biên nhận tiền ngày 20-11-2020 âm lịch do bà Th đưa ra nên bà Th không phải chứng minh gì khác.

[6] Do đó, bà Th đã giao tiền và ông Ph1, bà V đã nhận tiền, bản chất của quan hệ giao nhận tiền là hợp đồng vay tài sản nên làm phát sinh nghĩa vụ của ông Ph1, bà V về việc trả lại số tiền 180.000.000 đồng. Theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà Th về yêu cầu bà V, ông Ph1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 180.000.000 đồng.

[7] Về án phí sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Th nên bà Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp và bà V, ông Ph1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ xét xử một phần khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh Th đối với bị đơn anh Nguyễn Hào Ph1, bà Nguyễn Thị V về yêu cầu trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng kể từ ngày 20-11-2020 âm lịch đến ngày xét xử.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh Th đối với bị đơn anh Nguyễn Hào Ph1, bà Nguyễn Thị V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hào Ph1, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Thanh Th số tiền vốn gốc 180.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: bà Huỳnh Thị Thanh Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010052 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông Nguyễn Hào Ph1, bà Nguyễn Thị V phải chịu 9.000.000 đồng án phí sơ thẩm.

Bà Th có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Bà V, ông Ph1 vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân